KẾT QUẢ ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN MẦM NON

TT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch	Điểm xét tuyển ghi bằng số	Điểm xét tuyển ghi bằng chữ	Ghi chú
1	MN-44	Hà Thị Phượng	10/12/1997	Dân tộc Thái	5	91.5	96.5	*Chín mươi sáu phẩy năm*	
2	MN-54	Hoàng Thị Thơm	12/11/1995	Dân tộc Mường	5	91	96	*Chín mươi sáu*	
3	MN-14	Nguyễn Thị Hằng	15/10/1987			95.5	95.5	*Chín mươi lăm phẩy năm*	
4	MN-46	Đỗ Thị Quỳnh	30/9/1998			95	95	*Chín mươi lăm*	
5	MN-59	Bùi Thị Thùy	02/6/1992	Dân tộc Mường	5	89	94	*Chín mươi tư*	
6	MN-24	Lê Thị Huyền	18/9/1995			93.5	93.5	*Chín mươi ba phẩy năm*	
7	MN-40	Lê Thị Oanh	27/4/1991	Con Thương binh	5	88.5	93.5	*Chín mươi ba phẩy năm*	
8	MN-66	Đỗ Thị Tuyên	03/10/1988			93.5	93.5	*Chín mươi ba phẩy năm*	
9	MN-28	Bùi Thị Linh	22/12/2000	Dân tộc Mường	5	88	93	*Chín mươi ba*	
10	MN-50	Phạm Thị Thảo	20/01/1998	Con bệnh binh	5	88	93	*Chín mươi ba*	
11	MN-16	Lò Thị Hào	28/9/2000	Dân tộc Thái	5	87	92	*Chín mươi hai*	
12	MN-09	Lê Thị Duyên	04/8/1993			91	91	*Chín mươi mốt*	
13	MN-21	Lê Thị Thu Huyền	16/09/2001			91	91	*Chín mươi mốt*	
14	MN-22	Vũ Thị Huyền	20/11/1989			91	91	*Chín mươi mốt*	
15	MN-35	Hoàng Thị Ngọc	30/9/1997			91	91	*Chín mươi mốt*	
16	MN-45	Lê Ngọc Quỳnh	10/5/1991			91	91	*Chín mươi mốt*	
17	MN-42	Lê Thị Oanh	01/4/1997			90	90	*Chín mươi*	
18	MN-43	Nguyễn Thị Phương	10/5/1990			90	90	*Chín mươi*	
19	MN-18	Lê Thị Thu Hồng	20/01/2002			89	89	*Tám mươi chín*	
20	MN-52	Hoàng Thị Thảo	26/12/2003			89	89	*Tám mươi chín*	
21	MN-58	Đậu Thị Thương	21/6/1995			89	89	*Tám mươi chín*	
22	MN-60	Nguyễn Thị Thủy	25/6/1990			89	89	*Tám mươi chín*	

TT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch	Điểm xét tuyển ghi bằng số	Điểm xét tuyển ghi bằng chữ	Ghi chú
23	MN-65	Ngô Thị Trang	08/7/1989			89	89	*Tám mươi chín*	
24	MN-67	Lê Thị Trâm	5/6/1987			89	89	*Tám mươi chín*	
25	MN-19	Nguyễn Thị Hương	03/02/1997			88.5	88.5	*Tám mươi tám phẩy năm*	
26	MN-29	Đậu Thị Linh	12/10/2002			88.5	88.5	*Tám mươi tám phẩy năm*	
27	MN-13	Mạch Thị Hằng	23/3/1990			88	88	*Tám mươi tám*	
28	MN-10	Đoàn Thị Giang	11/6/1997			87.5	87.5	*Tám mươi bảy phẩy năm*	
29	MN-15	Lê Phương Hạnh	22/8/1993			87.5	87.5	*Tám mươi bẩy phẩy năm*	
30	MN-23	Lê Thu Huyền	06/4/2003			87.5	87.5	*Tám mươi bẩy phẩy năm*	
31	MN-25	Trần Thị Kiều	20/3/1991			87.5	87.5	*Tám mươi bẩy phẩy năm*	
32	MN-55	Phạm Thị Thu	07/3/1995			87.3	87.3	*Tám mươi bẩy phẩy ba*	
33	MN-05	Nguyễn Thị Chinh	20/02/1994			87	87	*Tám mươi bảy*	
34	MN-07	Lê Thị Đào	30/10/1998			87	87	*Tám mươi bảy*	
35	MN-39	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	18/02/1992			87	87	*Tám mươi bẩy*	
36	MN-53	Nguyễn Thị Thiết	11/6/1998			87	87	*Tám mươi bẩy*	
37	MN-01	Nguyễn Thị Vân Anh	10/4/1994			86.5	86.5	*Tám mươi sáu phẩy năm*	
38	MN-20	Nguyễn Thị Hường	06/3/1990			86.5	86.5	*Tám mươi sáu phẩy năm*	
39	MN-02	Nguyễn Phương Anh	15/9/1997			86	86	*Tám mươi sáu*	
40	MN-11	Hoàng Thị Giang	08/10/1997			86	86	*Tám mươi sáu*	
41	MN-57	Nguyễn Thị Thương	06/3/1987			86	86	*Tám mươi sáu*	
42	MN-04	Lê Thị Chiến	06/12/1994			85	85	*Tám mươi lăm*	
43	MN-48	Nguyễn Thị Thắm	16/11/1997			83	83	*Tám mươi ba*	
44	MN-63	Nguyễn Thị Huyền Trang	07/3/2002			83	83	*Tám mươi ba*	
45	MN-64	Tô Thị Trang	01/11/1998			83	83	*Tám mươi ba*	
46	MN-49	Nguyễn Thị Thanh	20/9/2002			80.5	80.5	*Tám mươi phẩy năm*	

TT	Số BD	Họ và tên	Ngày sinh	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm sát hạch	Điểm xét tuyển ghi bằng số	Điểm xét tuyển ghi bằng chữ	Ghi chú
47	MN-47	Lô Thị Tâm	25/02/1995	Dân tộc Thái	5	75	80	*Tám mươi*	
48	MN-61	Lê Thị Thủy	30/10/2002	Dân tộc Thổ	5	75	80	*Tám mươi*	
49	MN-38	Nguyễn Thị Nhung	16/5/2002			79	79	*Bảy mươi chín*	
50	MN-32	Bùi Thị Lụa	05/11/1997	Dân tộc Mường	5	70	75	*Bảy mươi lăm*	
51	MN-51	Mai Phương Thảo	01/3/1996			75	75	*Bảy mươi lăm*	
52	MN-17	Lê Thị Hiền	10/6/1994			74.5	74.5	*Bảy tư phẩy năm*	
53	MN-33	Bùi Thị Quỳnh Mai	06/11/2001	Dân tộc Mường	5	67.5	72.5	*Bảy mươi hai phẩy năm*	
54	MN-12	Lê Thanh Hải	25/01/2001			70.5	70.5	*Bảy mươi phẩy năm*	
55	MN-62	Nguyễn Thị Thu Trang	22/11/2003			70.5	70.5	*Bảy mươi phẩy năm*	
56	MN-68	Nguyễn Thị Vân	09/8/1999			68	68	*Sáu mươi tám*	
57	MN-37	Lô Thị Thanh Nhàn	25/7/1998	Dân tộc Thái	5	60.5	65.5	*Sáu mươi lăm phẩy năm*	
58	MN-41	Nguyễn Thị Oanh	20/8/1994			65.5	65.5	*Sáu mươi lăm phẩy năm*	
59	MN-03	Lê Thị Hồng Anh	07/7/2001			65	65	*Sáu mươi lăm*	
60	MN-26	Nguyễn Thị Lan	09/9/1990			64	64	*Sáu mươi tư*	
61	MN-34	Đỗ Thị Hồng Nga	21/01/1996			63.5	63.5	*Sáu mươi ba phẩy năm*	
62	MN-36	Trần Thị Ngọc	13/7/1994			58	58	*Năm mươi tám*	
63	MN-31	Cao Thị Lợi	25/10/1992			55.5	55.5	*Năm mươi lăm phẩy năm*	

Danh sách gồm có 63 người